

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-CP

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Đo đạc và Bản đồ Việt Nam
và xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Chiến lược), với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển ngành Đo đạc và Bản đồ Việt Nam đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, phục vụ cộng đồng, nâng cao dân trí và hội nhập quốc tế.

2. Phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia làm nền tảng quan trọng và cơ bản, cung cấp dịch vụ dữ liệu không gian địa lý cho các ngành, lĩnh vực đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phục vụ chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

3. Ưu tiên đầu tư cho các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn; khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đảm bảo quốc phòng, an ninh; nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ đo đạc và bản đồ theo hướng tiên tiến, hiện đại.

4. Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ; tiếp cận để khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ; cung cấp dữ liệu mở và xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia.

5. Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ cao, tiên tiến; đẩy mạnh đào tạo, thu hút tài năng trẻ, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ; tăng cường hợp tác quốc tế về đo đạc và bản đồ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

a) Hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về đo đạc và bản đồ.

b) Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và hệ thống bản đồ địa hình quốc gia đồng bộ, thống nhất trong cả nước trên đất liền, vùng biển và hải đảo Việt Nam, đảm bảo được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của các bộ, ngành, địa phương, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng đo đạc bao gồm: mạng lưới tọa độ quốc gia, mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia, mạng lưới độ cao quốc gia, mạng lưới trọng lực quốc gia, mô hình geoid để thiết lập hệ quy chiếu và hệ tọa độ không gian quốc gia thống nhất trên đất liền và trên biển.

d) Xây dựng và quản lý hạ tầng dữ liệu không gian quốc gia đảm bảo tích hợp, chia sẻ dữ liệu không gian địa lý giữa các cơ quan, ban ngành, giữa trung ương với địa phương phục vụ xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số; tham gia, kết nối vào mạng lưới hạ tầng dữ liệu không gian địa lý khu vực. Đảm bảo 100% dữ liệu không gian địa lý kết nối, chia sẻ trên toàn quốc phục vụ cung cấp thông tin, dịch vụ công cho tổ chức, cá nhân.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

a) Phát triển ngành Đo đạc và Bản đồ Việt Nam trở thành ngành điều tra cơ bản hiện đại, ngang tầm với các nước phát triển, phấn đấu làm chủ 80% các công nghệ tiên tiến, hiện đại.

b) Phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia đảm bảo tạo dựng, duy trì, nâng cao giá trị thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ, đáp ứng yêu cầu về dữ liệu không gian địa lý của toàn xã hội, phục vụ các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số; tham gia, kết nối vào mạng lưới hạ tầng dữ liệu không gian địa lý toàn cầu.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về đo đạc và bản đồ

a) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về đo đạc và bản đồ theo hướng kiến tạo thể chế để phát triển bền vững, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với trình độ khoa học công nghệ đo đạc và bản đồ, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam. Tạo hành lang pháp lý thuận lợi để huy động các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư xây dựng hạ tầng đo đạc, phát triển khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực để phát triển ngành Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.

b) Xây dựng mô hình tổ chức, quy định về quản lý và chia sẻ dữ liệu không gian địa lý giữa các bộ, ngành, giữa trung ương và địa phương, giữa các sở ngành thuộc địa phương.

c) Xây dựng quy định về quyền hạn, vai trò và trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức trong việc tham gia xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia.

d) Xây dựng quy định về báo cáo, giám sát kết quả thực hiện xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia.

đ) Kiện toàn hệ thống cơ quan chuyên môn về đo đạc và bản đồ từ trung ương đến địa phương đảm bảo hiện đại, đồng bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, chuyên môn cao; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đo đạc và bản đồ.

2. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ đảm bảo đồng bộ, chính xác thuận lợi cho việc sử dụng chung

a) Rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về đo đạc và bản đồ tiếp cận với các tiêu chuẩn quốc tế.

b) Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu không gian địa lý, siêu dữ liệu; các chuẩn phương pháp, chuẩn quy trình, chuẩn dịch vụ.

c) Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật về kiến trúc hệ thống của hạ tầng dữ liệu không gian địa lý gồm các tiêu chuẩn về kiến trúc mạng, hạ tầng thông tin mạng.

d) Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật về dịch vụ hiện thị, chia sẻ, chuyển đổi, tích hợp, tra cứu và tải dữ liệu không gian địa lý.

3. Hoàn thiện, công bố số liệu các mạng lưới đo đạc quốc gia

a) Thiết lập hệ quy chiếu và hệ tọa độ không gian quốc gia thống nhất trên đất liền và trên biển trên cơ sở hoàn thiện mạng lưới tọa độ quốc gia, mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia, mạng lưới độ cao quốc gia, mạng lưới trọng lực quốc gia và mô hình geoid trên lãnh thổ Việt Nam.

b) Công bố số liệu các mạng lưới tọa độ quốc gia, mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia, mạng lưới độ cao quốc gia, mạng lưới trọng lực quốc gia và mô hình geoid trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia

a) Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình quốc gia phủ trùm phần đất liền, đảo, quần đảo; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và bản đồ địa hình đáy biển trên vùng biển Việt Nam; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu địa danh phục vụ công tác thành lập bản đồ.

b) Tăng cường năng lực trang thiết bị kỹ thuật, công nghệ trong công tác cập nhật, quản lý, khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và hệ thống bản đồ địa hình quốc gia.

c) Thành lập bản đồ không gian 3 chiều các thành phố trọng điểm, đáp ứng yêu cầu quy hoạch phát triển đô thị, xây dựng đô thị thông minh, cứu hộ, cứu nạn và quốc phòng, an ninh.

5. Đo đạc, thành lập bản đồ chuyên ngành

a) Đo đạc và bản đồ quốc phòng

- Nghiên cứu, xây dựng, phát triển và hoàn thiện mạng lưới trạm định vị vệ tinh chuyên ngành phục vụ nhiệm vụ quốc phòng; nghiên cứu, phát triển ứng dụng mạng lưới trạm định vị vệ tinh chuyên ngành trong các nhiệm vụ quân sự;

- Chuẩn hóa, cập nhật xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý nhằm quản lý, chia sẻ và sử dụng hiệu quả các thông tin tư liệu phục vụ các nhiệm vụ quốc phòng.

b) Đo đạc, thành lập bản đồ địa chính

Hoàn thiện công tác đo đạc, thành lập bản đồ địa chính và xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính trên phạm vi toàn quốc.

c) Đo đạc, thành lập hải đồ

- Đo đạc, thành lập hải đồ vùng biển Việt Nam và liên kết phục vụ mục tiêu quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội và hợp tác quốc tế;

- Đo đạc, thành lập hải đồ các cảng biển, luồng hàng hải, vùng nước cảng biển và tuyến hàng hải; duy trì cập nhật hải đồ và định kỳ đo đạc, cập nhật độ sâu các tuyến luồng hàng hải quốc gia, các vùng nước cảng biển và tuyến hàng hải phục vụ phát hành, thông báo cập nhật hải đồ hoặc phát hành các phiên bản hải đồ cập nhật, phiên bản mới.

d) Đo đạc, thành lập bản đồ hàng không dân dụng

- Xây dựng, cập nhật dữ liệu địa hình và chướng ngại vật hàng không trong các khu vực liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng của Việt Nam và các khu vực khác theo quy định của Việt Nam và Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế;

- Xây dựng, cập nhật định kỳ dữ liệu chuyên ngành hàng không toàn cầu theo quy định của Việt Nam và Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

đ) Đo đạc, thành lập bản đồ công trình ngầm

Đo đạc, thành lập, cập nhật bản đồ công trình ngầm đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

e) Đo đạc, thành lập bản đồ phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ về cứu hộ, cứu nạn trên đất liền, trên biển;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ chuyên ngành về phòng, chống thiên tai;

- Xây dựng dữ liệu không gian địa lý về sạt lở bờ sông, bờ biển;

- Xây dựng dữ liệu không gian địa lý phục vụ công tác dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước; giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi.

g) Thành lập bản đồ hành chính các cấp.

h) Thành lập tập bản đồ; đo đạc, thành lập bản đồ chuyên ngành khác.

6. Xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia

a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia, trình Chính phủ phê duyệt.

b) Xây dựng, vận hành Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam

- Xây dựng Cổng thông tin không gian địa lý Việt Nam theo mô hình trung tâm dữ liệu không gian địa lý đảm bảo liên kết và quản lý thống nhất các cơ sở dữ liệu không gian địa lý thông qua địa chỉ truy cập trên mạng Internet; có khả năng kết nối, đồng bộ với Cổng dữ liệu quốc gia;

- Phát triển các dịch vụ dữ liệu thông qua Công thông tin không gian địa lý Việt Nam;

- Duy trì, vận hành Công thông tin không gian địa lý Việt Nam đảm bảo liên tục, an toàn an ninh.

c) Xây dựng, kết nối và tích hợp dữ liệu không gian địa lý quốc gia vào Công thông tin không gian địa lý Việt Nam bao gồm các dữ liệu sau: dữ liệu khung, dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu địa chỉ, dữ liệu thống kê.

7. Đổi mới việc quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

a) Tăng cường tuyên truyền về giá trị của thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hỗ trợ cho việc ra quyết định và phát triển kinh tế - xã hội.

b) Đa dạng hóa các dịch vụ cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ bao gồm việc xây dựng và cung cấp dữ liệu mở; hỗ trợ kỹ thuật, công nghệ đối với người dùng trong việc chia sẻ, khai thác sử dụng dữ liệu không gian địa lý dễ dàng hiệu quả.

c) Xây dựng mô hình quản lý, cơ chế tích hợp, chia sẻ lợi ích để sử dụng chung thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hiệu quả giữa các bộ ngành, giữa trung ương và địa phương và các nhà đầu tư.

d) Thiết lập hợp tác liên ngành, lĩnh vực, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong xây dựng, duy trì, chia sẻ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

8. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ, hợp tác quốc tế về đo đạc và bản đồ

a) Xây dựng chương trình hành động cụ thể để nghiên cứu, chuyển giao, triển khai các công nghệ mới về đo đạc bản đồ và hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia.

b) Lựa chọn ưu tiên nghiên cứu một số công nghệ lõi như: điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn trong thu nhận, cập nhật, xử lý và cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc bản đồ và hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia.

c) Nghiên cứu chế tạo phương tiện đo để sử dụng trong hoạt động đo đạc và bản đồ.

d) Tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế trong hoạt động đo đạc và bản đồ để thúc đẩy việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trao đổi chuyên gia, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong đo đạc bản đồ và hạ

tàng dữ liệu không gian địa lý quốc gia; mở rộng việc tham gia và ủng hộ vào các tổ chức của Liên hợp quốc, các tổ chức quốc tế, khu vực về đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý.

9. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng cho phát triển ngành Đo đạc và Bản đồ

a) Nâng cao chất lượng đào tạo đại học, sau đại học, đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy về đo đạc và bản đồ phù hợp với xu hướng phát triển của ngành Đo đạc và Bản đồ.

b) Tăng cường đào tạo ở nước ngoài cho các lĩnh vực, chuyên ngành mà Việt Nam chưa có điều kiện đào tạo để phát triển đội ngũ cán bộ đo đạc và bản đồ chuyên sâu, chất lượng cao.

c) Xây dựng chương trình và đào tạo về đo đạc và bản đồ, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn trong thu nhận, cập nhật, xử lý và cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc bản đồ và hạ tầng dữ liệu không gian địa lý trong các trường đại học có liên quan đến đo đạc và bản đồ, công nghệ thông tin.

d) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ tại các bộ, ngành, địa phương; xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành về đo đạc và bản đồ.

10. Đổi mới cơ chế triển khai các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ; đổi mới, xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

a) Kiến tạo thể chế, đổi mới cơ chế triển khai các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo, cung cấp sản phẩm, giải pháp về đo đạc và bản đồ hướng đến nền kinh tế số, xã hội số.

b) Thiết lập cơ chế, chính sách chia sẻ và nâng cao hiệu quả sử dụng chung thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ phù hợp với cơ chế thị trường.

c) Áp dụng các phương pháp tiên tiến xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá sản phẩm đo đạc và bản đồ theo cơ chế thị trường nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đo đạc và bản đồ; xây dựng cơ chế xã hội hóa đối với các hoạt động đo đạc và bản đồ để đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

Để thực hiện Chiến lược, các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cần tập trung thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Huy động nguồn vốn

a) Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo quy định hiện hành.

b) Lòng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án, đề án khác; nguồn vốn vay, viện trợ ngoài nước.

c) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư cho lĩnh vực đo đạc và bản đồ

a) Ngân sách nhà nước ưu tiên đầu tư cho phát triển công nghệ và hạ tầng kỹ thuật, sản phẩm đo đạc và bản đồ, đảm bảo quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia.

b) Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư, chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại vào các hoạt động đo đạc, bản đồ và xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, điều phối việc xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Tổ chức, chỉ đạo thực hiện Chiến lược; hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án đảm bảo phù hợp với các quan điểm, mục tiêu, nội dung và giải pháp của Chiến lược này.

b) Chỉ đạo rà soát, thống kê, đánh giá và phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan đề xuất các đề án, dự án, nhiệm vụ ưu tiên đầu tư, trên cơ sở đó xây dựng các chương trình cụ thể, xác định những đề án, dự án, nhiệm vụ trọng điểm trong từng giai đoạn trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Chiến lược này; định kỳ 5 năm sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm thực hiện Chiến lược, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trình Chính phủ quyết định điều chỉnh Chiến lược trong trường hợp cần thiết.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, khả năng cân đối ngân sách nhà nước hằng năm và phân cấp ngân sách nhà nước, xem xét cân đối ngân sách nhà nước hằng năm để thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chiến lược theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng và triển khai kế hoạch về xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn; triển khai các giải pháp tăng cường nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển ngành đo đạc và bản đồ, khoa học và công nghệ về đo đạc và bản đồ, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn trong thu nhận, cập nhật, xử lý và cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc bản đồ và hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia theo định hướng của Chiến lược.

b) Ưu tiên phân bổ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho việc nghiên cứu, chuyển giao, triển khai các công nghệ mới về đo đạc bản đồ, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn trong thu nhận, cập nhật, xử lý và cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc bản đồ và hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia.

5. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành liên quan thúc đẩy việc tham gia và ủng hộ của Việt Nam vào các tổ chức của Liên hợp quốc, các tổ chức quốc tế, khu vực về đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý.

6. Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được nêu tại điểm a và điểm c khoản 9 mục III Điều 1 của Nghị quyết này theo chức năng nhiệm vụ được giao.

7. Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường kết nối, cung cấp dữ liệu, dịch vụ dữ liệu không gian địa lý quốc gia qua Cổng dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ.

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chiến lược từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật liên quan.

9. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm tổ chức thực hiện Chiến lược phần liên quan đến bộ, ngành, địa phương mình.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: TH, CN, KTTH, NC, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà